

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA



HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG

SẢN PHẨM

ĐƯỜNG

DEXTROSE MONOHYDRATE

Số: 07/TTC-BH/2025

Danh mục hồ sơ:

- Bản Tự công bố sản phẩm
- Mẫu nhãn sản phẩm
- Phiếu kết quả thử nghiệm

Tây Ninh - 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/TTC-BH/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (84-276) 3753 250

Fax:

E-mail: thongtin.ttc@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE**

2. Thành phần: Hàm lượng Glucose (Dextrose): $\geq 99.5 \%$

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 25 kg

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao PE lồng PP

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. QIQIHAR LONGJIANG FUFENG BIOTECHNOLOGIES CO., LTD (LE)

Địa chỉ: East Side of National Road G111 at 1558km, Ang'ang Xi District, Qiqihar City, Heilongjiang Province, China

5.2. HULUNBEN – NORTHEAST FUFENG BIOTECHNOLOGIES CO., LTD (DE)

Địa chỉ: Kaichuang Street, Zhalantun, Lingdong Industrial Development Area, Hulunbeier City, Inner Mongolia, China

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2. Thông tư của các bộ, ngành:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chất không mong muốn: theo văn bản hiện hành.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng bột.
- Màu sắc: màu trắng
- Mùi vị: vị ngọt, không có mùi vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Glucose (Dextrose)	%	$\geq 99,5$
2	Hàm lượng nước (ẩm)	%	$\leq 9,5$
3	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO_2)	mg/kg	< 10

3.3. Các chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 3\ 000$
2	Tổng số nấm mốc	CFU/g	≤ 60
3	Coliform	CFU/g	≤ 60
4	Staphylococcus Aureus	CFU/g	Không có
5	Salmonella	SPP/25	Không có

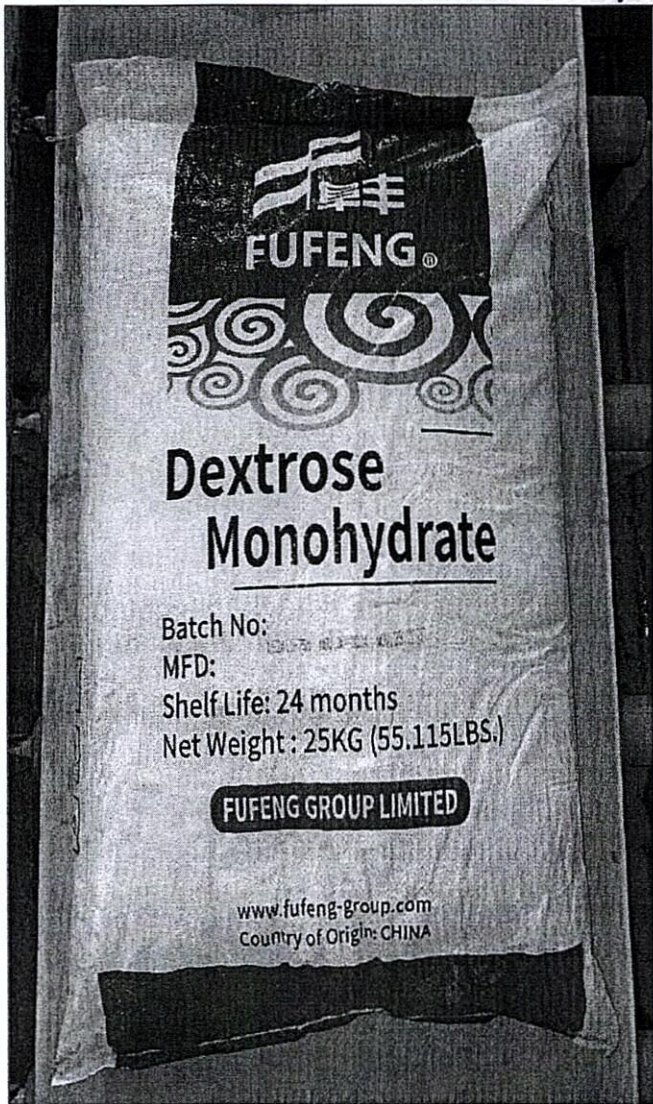
3.4. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, kín. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THÀNH THẠNH CÔNG
BIÊN HÒA
H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH
Nguyễn Thị Thủy Tiên

MẶT TRƯỚC



FUFENG®

Dextrose
Monohydrate

Số lô: LE2411-75M

Ngày sản xuất: 30/11/2024 –
29/11/2026

Hạn sử dụng: 24 tháng

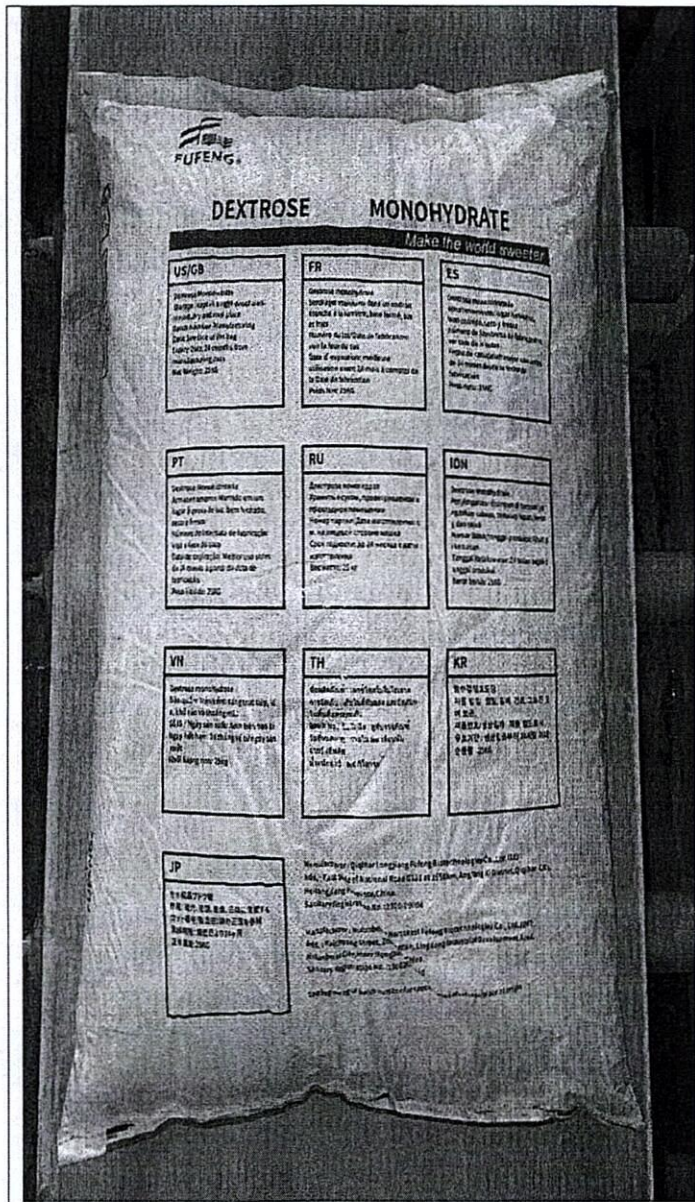
Khối lượng tịnh: 25kg (55.115 LBS)

FUFENG GROUP LIMITED

www.fufeng-group.com
Quốc gia xuất xứ : TRUNG QUỐC

Handwritten signature

MẶT SAU



FUFENG®

DEXTROSE

MONOHYDRATE

Làm cho thế giới ngọt ngào hơn

MỸ/ANH

Dextrose Monohydrate

Bảo quản: Tránh ánh nắng trực tiếp, kín, khô ráo, thoáng mát.

Số lô / Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Khối lượng tịnh: 25kg

Nhà sản xuất: Qiqihar Longjiang Fufeng Biotechnologies Co., Ltd. (LE)

Địa chỉ: Phía Đông Quốc lộ G111 tại km 1558, Quận Ngang Ngang Khê, Thành phố Tề Tề Cáp Nhĩ, Tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc.

Số Giấy chứng nhận Vệ sinh: 2300/09004

Nhà sản xuất: Hulunbeier NorthEast Fufeng Biotechnologies Co.,Ltd, (DE)

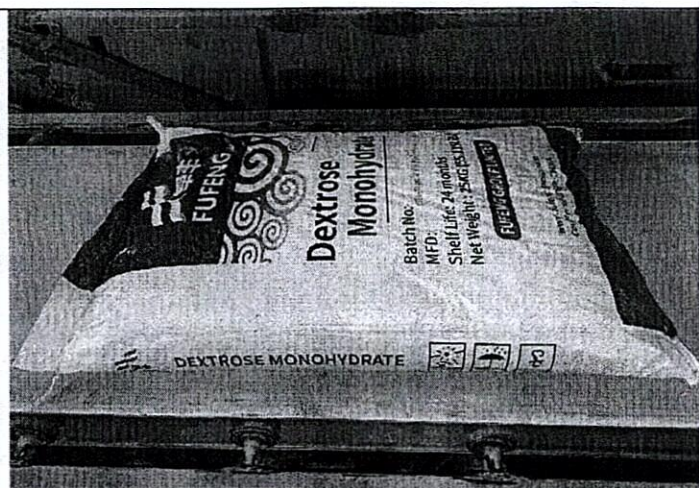
Địa chỉ: Đường Kaichuang, Trát Lan Đồn, Khu Phát triển Công nghiệp Lĩnh Đông, Thành phố Hồ Luân Bối Nhĩ, Nội Mông, Trung Quốc.

Số Giấy chứng nhận Vệ sinh: 1500D/0..48

Xem phần đầu của số lô này để xác định quy cách/nhà sản xuất/nơi xuất xứ.

Handwritten signature or mark.

MẶT BÊN TRÁI

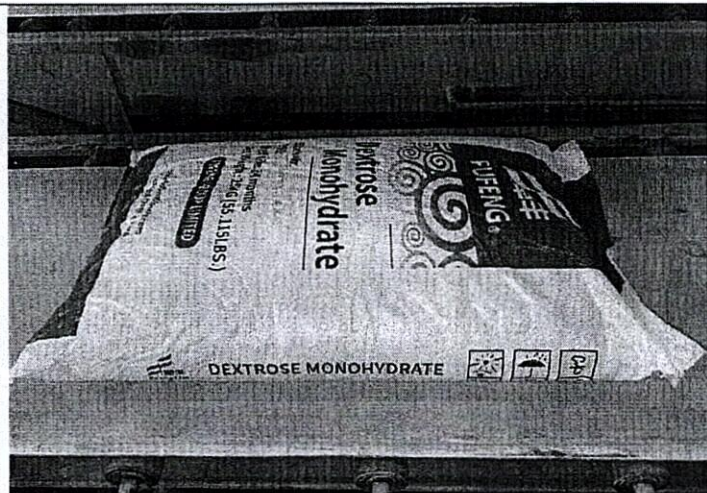


FUFENG® DEXTROSE MONOHYDRATE

Handwritten signature

20/04/2014

MẶT BÊN PHẢI



FUFENG® DEXTROSE MONOHYDRATE

Tây Ninh, Ngày 20 tháng 11 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY TTCS

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Handwritten signature

11/11/2025 15:11

Tôi, Đinh Thị Hòa, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025
Người dịch ký và ghi rõ họ tên



Đinh Thị Hòa

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 (Ngày hai mươi sáu, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184, đường Dương Bá Trạc, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi, Ngô Thùy Liên là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC

- Bà Đinh Thị Hòa là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03.. bản gốc (mỗi bản gốc gồm 05.. tờ, 05.. trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số chứng thực: 003435

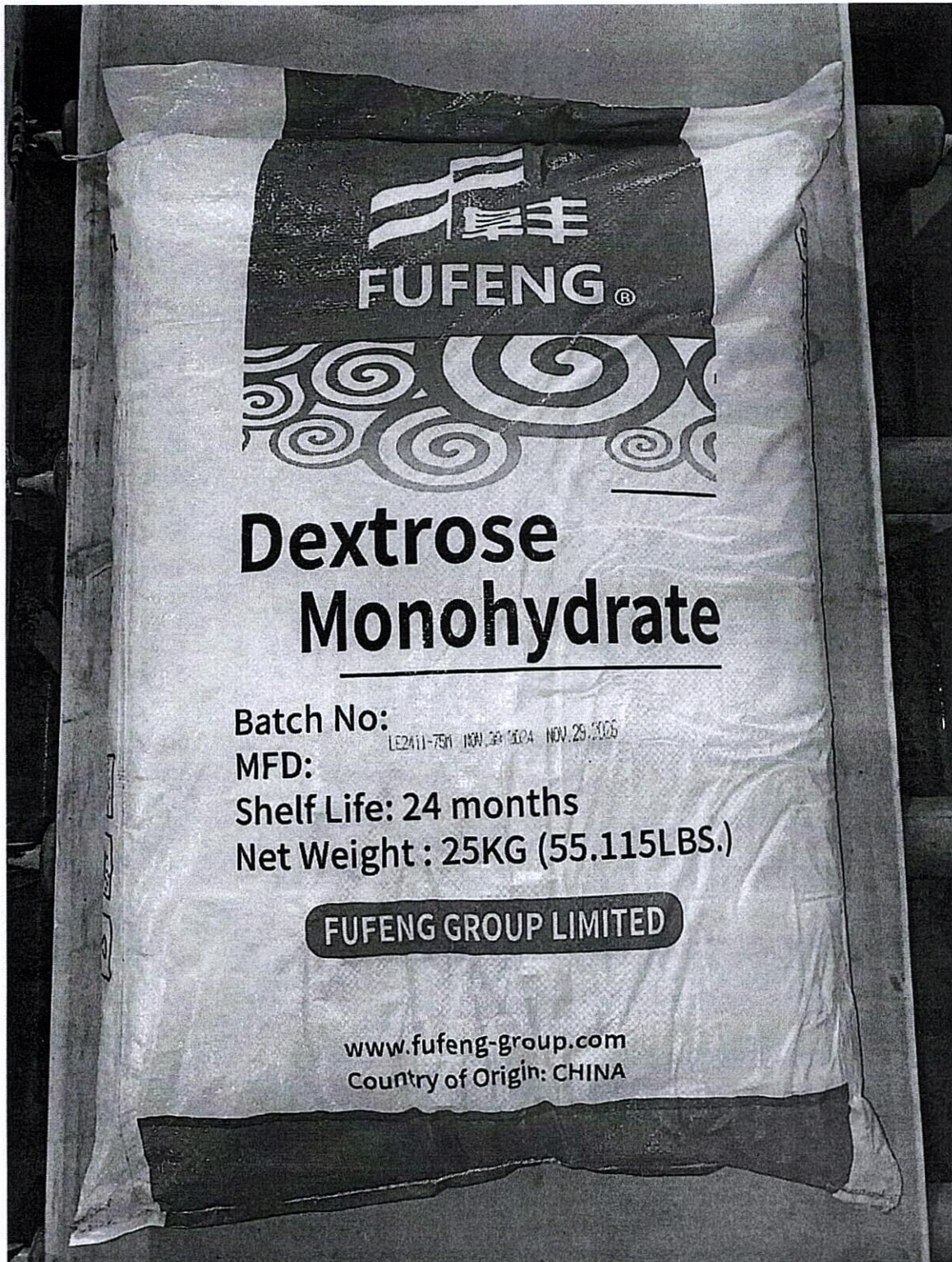
Quyển số: 01/2025 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN



Ngô Thùy Liên

MẶT TRƯỚC



M.S.D.N. 13
TH
H.T.A.N

20
01
H
IC
1.8

MẶT SAU



DEXTROSE MONOHYDRATE

Make the world sweeter

US/GB

Dextrus Monohydrate
Storage: Kept in a tight-proof, well-
closed, dry and cool place
Batch Number (Manufacturing
Date: See face of the bag
Expiry Date: 24 months from
manufacturing date
Net Weight: 25KG

FR

Dextrose monohydrat
Stockage: maintenir dans un endroit
étanche à la lumière, bien fermé, sec
et frais
Numéro du lot/Date de fabrication:
voir la face du sac
Date d'expiration: meilleure
utilisation avant 24 mois à compter de
la Date de fabrication
Poids Net: 25KG

ES

Dextrosa monohidratada
Almacenamiento: lugar luminoso,
bien cerrado, seco y fresco
Número de lote/fecha de fabricación
ver cara de la bolsa
Fecha de caducidad: mejor uso antes
de 24 meses desde la fecha de
fabricación
Peso neto: 250g

PT

Dextrose Monohidratada
Armazenamento: Mantido em um
 lugar à prova de luz, bem fechado,
 seco e fresco
Número do lote/data de fabricação:
 Veja a face do saco
Data de expiração: Melhor uso antes
 de 24 meses a partir da data de
 fabricação
Peso líquido: 25KG

RU

Декстроза моногидрат
Хранить в сухом, проветриваемом и
прохладном помещении
Номер партии/Дата изготовления: с
м. на лицевой стороне мешка
Срок годности: до 24 месяца с даты
изготовления
Вес нетто: 25 кг

IDN

Dextrose Monohydrate
Penyimpanan: disimpan di tempat pa-
ng bahan cahaya, tertutup rapat, kering
dan sejuk
Nomor Batch/tanggal produksi: lihat di
tutup kemasan
Tanggal kadaluarsa: 24 bulan sejak ta-
nggal produksi
Berat bersih: 25KG

VN

Dextrose monohydrate
Bảo quản: Tránh ánh sáng trực tiếp, kín, khô ráo và thoáng mát.
Số lô / Ngày sản xuất: Xem trên bao bì
Ngày hết hạn: 24 tháng kể từ ngày sản xuất
Khối lượng tịnh: 25kg

TH

ข้อมูลเบื้องต้น : เลขที่โฉนดโฉนดที่ดิน
การจดทะเบียน : ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน และที่ดิน
โฉนดที่ดินที่ขึ้นทะเบียน
โฉนดที่ดิน No. 123456789 : ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน
ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน : ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน
จากที่ : ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน
นำเอกสาร : ที่ดินที่ขึ้นทะเบียน

KR

열수검정표도양
 저장 방법: 햇빛, 열매, 건조 그늘진 곳
 에 보관.
 제품번호/생산일자: 제품 번호도시
 유효기간: 생산일로부터 24개월 이내
 순중량: 250G

JP

富士通品ブドウ箱
野苺：透光、密閉、乾燥、日陰に保管する
ロット番号/製造日：箱の正面を参照
賞味期限：製造日より24ヶ月
正味重量：25KG

Manufacturer: Qiqihar Longjiang Fufeng Biotechnology Co., Ltd. (LF)
 Add.: East Side of National Road G111 at 1558km, Aoguang XI District, Qiqihar City,
 Heilongjiang Province, China.
 Sanitary Registration No.: 2300/09004

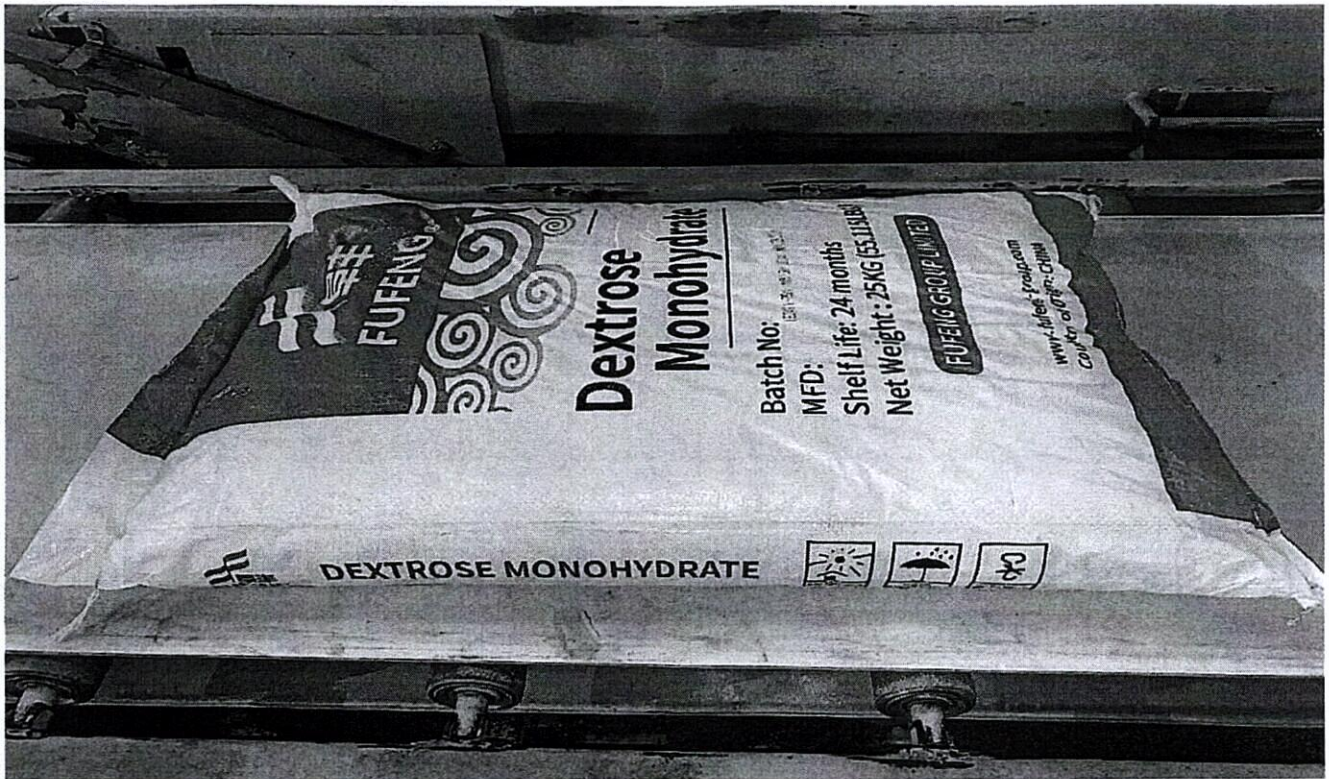
Manufacturer: Hulunbeier Northeast Pufeng Biotechnologies Co., Ltd. [DE]
Add.: Kalchuang Street, Zhongtun, Lingdong Industrial Development Area,
Hulunbeier City, Inner Mongolia, China.
Sanitary Registration No.: 150007-1A

See beginning of batch number for special features/place of origin

3002
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2010

MẶT BÊN TRÁI



44389
GTY
HÂN
ÀNH CÔN
HÒA
T. TAY

MẶT BÊN PHẢI



Tây Ninh, Ngày 20 tháng 11 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY TTCS



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN






FUFENG®



Dextrose Monohydrate

Batch No:

MFD:

LE2411-103M DEC. 13, 2024 DEC. 12, 2025

Shelf Life: 24 months

Net Weight : 25KG (55.115LBS.)

FUFENG GROUP LIMITED

www.fufeng-group.com

Country of Origin: CHINA

**DEXTROSE****MONOHYDRATE***Make the world sweeter***US/GB**

Dextrose Monohydrate
Storage: Kept in a light-proof, well-closed, dry and cool place
Batch Number /Manufacturing Date: See face of the bag
Expiry Date: 24 months from manufacturing date
Net Weight: 25KG

FR

Dextrose monohydraté
Stockage: maintenu dans un endroit étanche à la lumière, bien fermé, sec et frais
Numéro du lot/Date de fabrication: voir la face du sac
Date d'expiration: meilleure utilisation avant 24 mois à compter de la Date de fabrication
Poids Net: 25KG

ES

Dextrosa monohidratada
Almacenamiento: lugar luminoso, bien cerrado, seco y fresco
Número de lote/fecha de fabricación: ver cara de la bolsa
Fecha de caducidad: mejor uso antes de 24 meses desde la fecha de fabricación
Peso neto: 25KG

PT

Dextrose Monohidratada
Armazenamento: Mantido em um lugar à prova de luz, bem fechado, seco e fresco
Número do lote/data de fabricação: Veja a face do saco
Data de expiração: Melhor uso antes de 24 meses a partir da data de fabricação
Peso líquido: 25KG

RU

Декстроза моногидрат
Хранить в сухом, проветриваемом и прохладном помещении
Номер партии/Дата изготовления: с м. на лицевой стороне мешка
Срок годности: до 24 месяца с даты изготовления
Вес нетто: 25 кг

IDN

Dextrose Monohydrate
Penyimpanan: disimpan di tempat yang tahan cahaya, tertutup rapat, kering dan sejuk
Nomor Batch/tanggal produksi: lihat di kemasan
Tanggal kadaluarsa: 24 bulan sejak tanggal produksi
Berat bersih: 25KG

VN

Dextrose monohydrate
Bảo quản: Tránh ánh sáng trực tiếp, kín, khô ráo và thoáng mát
Số lô / Ngày sản xuất: Xem trên bao bì
Ngày hết hạn: 24 tháng kể từ ngày sản xuất
Khối lượng tịnh: 25kg

TH

ชื่อผลิตภัณฑ์ : เดกซ์โทสโมโนไฮเดรต
การจัดเก็บ : เก็บในที่แห้งและเย็น
ในพื้นที่ไม่ชื้นและเป็น
Batch No./ วันที่ผลิต : ดูที่บรรจุภัณฑ์
วันหมดอายุ : ภายใน ๒๔ เดือนนับ
จากวันที่ผลิต
น้ำหนักสุทธิ : ๒๕ กิโลกรัม

KR

함수결정포도당
저장 방법 : 햇빛, 밀폐, 건조, 그늘진 곳에 보관.
제품번호/생산일자 : 제품 별도표시
유효기간 : 생산일로부터 24개월 이내
순중량 : 25KG

JP

含水結晶ブドウ糖
貯蔵: 遮光、密閉、乾燥、日陰に保管する
ロット番号/製造日: 袋の正面を参照
賞味期限: 製造日より24ヶ月
正味重量: 25KG

Manufacturer: Qiqihar Longjiang Fufeng Biotechnologies Co., Ltd. (LE)
Add.: East Side of National Road G111 at 1558km, Ang'ang Xi District, Qiqihar City, Heilongjiang Province, China.
Sanitary Registration No.: 2300/09004

Manufacturer: Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd. (DE)
Add.: Kaichuang Street, Zhalantun, Lingdong Industrial Development Area, Hulunbeier City, Inner Mongolia, China.
Sanitary Registration No.: 1500D00348

See beginning of batch number for specific manufacturer/place of origin



Sản Phẩm: ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE

Thành phần: Dextrose: $\geq 99,5\%$

Khối lượng tịnh: 25 kg

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Xuất xứ hàng hóa: Trung Quốc

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, kín. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN

THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Sản xuất bởi:

**Nhà máy 1: QIQIHAR LONGJIANG FUFENG
BIOTECHNOLOGIES CO., LTD (LE).**

Địa chỉ: East Side of National Road G111 at 1558km, Ang'ang
Xi District, Qiqihar City, Heilongjiang Province, China

**Nhà máy 2: HULUNBEN – NORTHEAST FUFENG
BIOTECHNOLOGIES CO., LTD (DE)**

Địa chỉ: Kaichuang Street, Zhalantun, Lingdong Industrial
Development Area, Hulunbeier City, Inner Mongolia, China

KT3-12108ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/12/2025
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/11/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/11/2025 - 04/12/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Áp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-12108ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/12/2025

Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory - Trạng thái/ State - Màu sắc/ Color - Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019	Dạng bột / Powder Màu trắng / White Đặc trưng của sản phẩm Characteristic of product



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-12108ATP5/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/12/2025

Page 01/02

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/11/2025 - 04/12/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-12108ATP5/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/12/2025

Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng chì, Lead content	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	QUATEST3 1095:2023 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng canxi, Calcium content	QUATEST3 1099:2023 (Ref: AOAC 985.01)	5,00	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-12108ATP5/1-5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

04/12/2025
Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 25/11/2025 - 04/12/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Customer
Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-12108ATP5/1-5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

04/12/2025

Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, Total mesophilic bacterial count	CFU/g GS 2/3 - 41 (2011) - ICUMSA 2022	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.2. Coliform,	CFU/g ISO 4832 : 2006	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.3. Escherichia coli,	CFU/g ISO 16649-2:2001	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.4. Staphylococcus aureus,	CFU/g AOAC 2023 (975.55)	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.5. Salmonella spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	Không phát hiện ⁽²⁾ Not detected
7.6. Tổng số nấm men và nấm mốc, Total yeasts and moulds	CFU/g GS 2/47 (2022) - ICUMSA 2022	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/Notes: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(2) Giới hạn phát hiện/Limit of Detection: 1,384 CFU

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-12108ATP5/1-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/12/2025

Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/11/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/11/2025 - 04/12/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Áp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-12108ATP5/1-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/12/2025
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng dextrose monohydrate, g/100 g Dextrose monohydrate content	QUATEST3 1222:2024 (Ref: AOAC 2018.16)	-	99,6
7.2. Hàm lượng clorua, g/100 g Chloride content	QUATEST3 1060:2023	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng tro sulfate, g/100 g Sulfate ash content	QUATEST3 1072:2023 (Ref: TCVN 9940:2013)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng sulfite tính theo SO ₂ , mg/kg Sulfites content as SO ₂	AOAC 2019 (990.28)	6,0	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng nước, % m/m Water content	FAO JECFA monograph 1, Vol4, 2006 – Water determination	-	9,07
7.6. Hàm lượng sulfate, mg/kg Sulfate content	FAO JECFA monograph 1, Vol4, 2006 – Sulfate Limit test	-	Nhỏ hơn 10 Less than

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.